

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 9 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Lương Văn Đoản – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lường Văn K**; Địa chỉ: Bản T, xã T, tỉnh Điện Biên.
(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Quàng Thị T**; Địa chỉ: Bản T, xã T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K, bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Điện Biên vào ngày

22/4/2015. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng xấu đi mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân được gần 03 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông K yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Đình P - sinh ngày 14/4/2016. Ông K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng ông K. Ông có công việc và thu nhập ổn định từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản và nợ: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trên cơ sở đơn khởi kiện và việc thụ lý vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án; việc lập hồ sơ vụ án cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) cũng như các quy định pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71/BLTTDS. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp đảm bảo đúng quy định tại Điều 95/BLTTDS.

Đối với bị đơn: Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72/BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273/BLTTDS; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông K được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Giao cháu Lường Đình P - sinh ngày 14/4/2016 cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi nếu các bên có thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 ngày 22/4/2015 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định: Ông K và bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Điện Biên vào ngày 22/4/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của nguyên đơn (có xác nhận của UBND xã T), quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng xấu đi mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân được gần 03 năm. Do đó có căn cứ về việc ông K và bà T đã sống ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho ông K được ly hôn với bà T.

[3.2] Về con chung:

Ông K, bà T có một con chung là Lường Đình P - sinh ngày 14/4/2016. Ông K yêu cầu: Sau khi ly hôn, ông Kim sẽ trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của ông K phù hợp với ý kiến của cháu P, thực tế ông K đã nuôi cháu P từ khi vợ chồng ly thân, nên việc giao con cho ông K là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của ông K.

[3.3] Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kim phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lường Văn K.

1. Về hôn nhân: ông Lường Văn K được ly hôn với bà Quàng Thị T.

2. Về con chung: Ông Lường Văn K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Đình P - sinh ngày 14/4/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lương Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000007 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (Ông K đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Thanh Nưa, tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ